

TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT
THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI
CHI NHÁNH LONG THÀNH

Số: 2083/TTPTQĐ.CNLT-TBT.N1

V/v Niêm yết công khai Phương
án bồi thường, hỗ trợ Dự án nâng
cấp mở rộng đường khai thác đá 3
(Đợt 2) tại phường Long Thành.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Long Thành, ngày 30 tháng 9 năm 2026

Kính gửi: UBND phường Long Thành.

Căn cứ điểm b, khoản 9, Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc Hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 30/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc Ban hành Quy chế phối hợp thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, giữa Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh, Trung tâm Phát triển Quỹ đất chi nhánh/khu vực với cơ quan chức năng quản lý đất đai, cơ quan tài chính và cơ quan, đơn vị khác có liên quan trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Văn bản số 1757/UBND-KTNS ngày 02 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc thực hiện trình tự thực hiện công tác phối hợp về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 1370/QĐ-UBND ngày 06/4/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ủy quyền cho ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện một số nhiệm vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Ngày 30/9/2026, Trung tâm Phát triển Quỹ đất chi nhánh Long Thành lập Phương án dự kiến về bồi thường, hỗ trợ của dự án nâng cấp mở rộng đường khai thác đá 3 tại phường Long Thành (Đính kèm Phương án dự kiến về bồi thường, hỗ trợ).

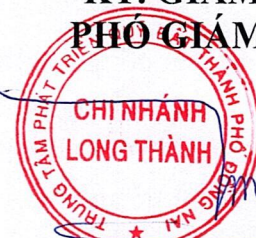
Nay, Trung tâm Phát triển Quỹ đất chi nhánh Long Thành đề nghị UBND phường Long Thành niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ tại trụ sở UBND phường Long Thành, địa điểm sinh hoạt chung của dân cư (Khu phố Long An), đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của UBND phường Long Thành trong thời hạn 10 ngày theo quy định tại điểm b, khoản 9, Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025.

Đề nghị UBND phường Long Thành quan tâm, sớm hỗ trợ thực hiện nội dung trên theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BGĐ.TTPTQĐCNLT;
- Tổ BT (đ/c Nhật; An, Vinh, Hưng) 
- Lưu: VT N1.


KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC




Mai Ngọc Thắng



Long Thành, ngày 30 tháng 9 năm 2026

PHƯƠNG ÁN DỰ KIẾN

**Về bồi thường, hỗ trợ cho các hộ dân để thực hiện dự án nâng cấp,
mở rộng đường Khai thác đá 3, tại phường Long Thành. (đợt 2)**

I. Căn cứ pháp lý:

Căn cứ Luật đất đai 2024 ngày 18/01/2024;

Căn cứ Nghị quyết 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của Chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/06/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn Nghị quyết 254/2025/QH15 tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 7792/QĐ-UBND ngày 09/8/2020 của UBND huyện Long Thành về việc chủ trương đầu tư dự án Nâng cấp, mở rộng đường Khai thác đá 3, xã Long An;

Căn cứ Quyết định số 9771/QĐ-UBND ngày 28/8/2024 của UBND huyện Long Thành về việc phê duyệt dự án Nâng cấp, mở rộng đường Khai thác đá 3, xã Long An;

Căn cứ Văn bản số 1757/UBND-KTNS ngày 02/02/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc thực hiện trình tự thực hiện công tác phối hợp về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Nghị quyết số 27/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng

Nhân dân tỉnh Đồng Nai Quy định về tiêu chí xác định khu vực, vị trí đất trong Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định Bảng giá đất lần đầu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 08/2025/QĐ-UBND ngày 10/2/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai Quy định mức chi đảm bảo cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy chế phối hợp thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giữa Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh, Trung tâm Phát triển Quỹ đất chi nhánh/khu vực với cơ quan có chức năng quản lý đất đai, cơ quan tài chính và cơ quan, đơn vị khác có liên quan trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 2/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 66/2026/QĐ-UBND ngày 27/11/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 18/2026/QĐ-UBND ngày 04/3/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng để làm căn cứ tính tiền bồi thường khi thu hồi đất; bán nhà ở thuộc tài sản công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 53/2026/QĐ-UBND ngày 10/7/2026 của UBND Thành phố Đồng Nai Sửa đổi, bổ sung Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 18/2026/QĐ-UBND ngày 04/3/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng để làm căn cứ tính tiền bồi thường khi thu hồi đất; bán nhà ở cũ thuộc tài sản công trên địa bàn Thành phố Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 1370/QĐ-UBND ngày 06/4/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện một số nhiệm vụ quản lý Nhà nước trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ các Thông báo thu hồi đất ngày 05/6/2026 của UBND Phường Long Thành về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Nâng cấp, mở rộng đường

Khai thác đá 3, tại phường Long Thành, Thành phố Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 03/2026/QĐ-UBND ngày 11/5/2026 của UBND thành phố Đồng Nai quy định hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn thành phố Đồng Nai năm 2026;

Căn cứ Văn bản số 1201/SNNMT-ĐĐ ngày 20/5/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc triển khai Quyết định số 03/2026/QĐ-UBND ngày 11/5/2026 của UBND thành phố Đồng Nai;

Căn cứ Văn bản số 2023/SNNMT-ĐĐ ngày 29/5/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc xác định giá đất nông nghiệp theo Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND và Quyết định số 03/2026/QĐ-UBND;

Căn cứ Khoản 4, Điều 3, Nghị định số 88/2024/NĐCP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất. Theo đó “Cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền lập, thẩm định, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư chịu trách nhiệm thực hiện đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật, không chịu trách nhiệm về những nội dung trong các văn bản, giấy tờ có trong hồ sơ đã được cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền khác chấp thuận, quyết định hoặc giải quyết trước đó”. Căn cứ nội dung trên Ủy ban nhân dân Phường Long Thành chịu trách nhiệm các nội dung xác nhận tại các mẫu số 2,3,4 kèm theo Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2025 của UBND tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ theo Khoản 3, Điều 87, Luật đất đai năm 2024. Trung tâm Phát triển Quỹ đất chi nhánh Long Thành lập phương án dự kiến bồi thường, hỗ trợ dự án Nâng cấp, mở rộng đường Khai thác đá 3, tại phường Long Thành, Thành Phố Đồng Nai về việc tổ chức lấy ý kiến về phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (đợt 2) cụ thể như sau:

II/. Nội dung phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư gồm:

1. Tổng diện tích đất thu hồi: 33 thửa/535,4m². Trong đó:

+ Đất nông nghiệp (CLN, LUK): 525,8m².

+ Đất Miếu (TIN): 9,6m².

1.1.Bồi thường đất:

Căn cứ Nghị quyết số 27/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai Quy định về tiêu chí xác định khu vực, vị trí đất trong Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định Bảng giá đất lần đầu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 03/2026/QĐ-UBND ngày 11/5/2026 của UBND thành phố Đồng Nai quy định hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn thành phố Đồng Nai năm 2026;

Căn cứ Văn bản số 1201/SNNMT-ĐĐ ngày 20/5/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc triển khai Quyết định số 03/2026/QĐ-UBND ngày 11/5/2026 của UBND thành phố Đồng Nai;

Căn cứ Văn bản số 2023/SNNMT-ĐĐ ngày 29/5/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc xác định giá đất nông nghiệp theo Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND và Quyết định số 03/2026/QĐ-UBND;

Loại đất, vị trí đất để bồi thường, hỗ trợ: Căn cứ vào nội dung xác nhận của UBND phường Long Thành về nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất diện tích loại đất; thông tin về đất, vị trí thửa đất, phiếu cung cấp thông tin, danh sách các thửa đất được xác định vị trí của Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Đồng Nai - Chi nhánh Long Thành (*UBND phường Long Thành chịu trách nhiệm về nội dung xác nhận về nguồn gốc đất theo quy định*);

1.2. Bồi thường, hỗ trợ nhà ở, công trình xây dựng, vật kiến trúc và tài sản khác:

Căn cứ nội dung xác nhận của UBND phường Long Thành về nguồn gốc thời điểm xây dựng Nhà ở, công trình xây dựng, vật kiến trúc và tài sản khác. UBND phường Long Thành chịu trách nhiệm về thời điểm xây dựng đối với nhà ở, công trình xây dựng, vật kiến trúc và tài sản khác.

Đơn giá bồi thường, hỗ trợ: Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025; Quyết định số 18/2026/QĐ-UBND ngày 04/3/2026; Quyết định số 53/2026/QĐ-UBND ngày 10/7/2026 của UBND Thành Phố Đồng Nai.

1.3. Bồi thường, hỗ trợ cây trồng:

Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025; Quyết định số 66/2025/QĐ-UBND ngày 27/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Số tiền bồi thường thiệt hại về cây trồng được tính bằng số lượng cây trồng thực tế theo kết quả kiểm đếm nhân với đơn giá bồi thường tương ứng tại các phụ lục kèm theo các Quyết định này.

1.4. Thuởng di dời:

Thuởng đối với người có đất thu hồi bàn giao mặt bằng trước thời gian quy định: Căn cứ Điều 15, Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

1.5. Nghĩa vụ tài chính:

Thực hiện trình tự thủ tục quy định tại Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Trung tâm Phát triển Quỹ đất chi nhánh Long Thành chuyển danh sách đến Thuế cơ sở 5 Đồng Nai xác định nghĩa vụ tài chính theo quy định.

2. Tổng số trường hợp có đất thu hồi:

- Tổng số: **35 trường hợp**, trong đó:

- Tổng giá trị phương án bồi thường, hỗ trợ: **857.399.013 đồng.**

(Bằng chữ: Tám trăm năm mươi bảy triệu, ba trăm chín mươi chín ngàn, không trăm mười ba đồng).

Trong đó:

- Bồi thường đất: 533.687.000 đồng.

- Bồi thường, hỗ trợ nhà, vật kiến trúc: 246.208.843 đồng.

- Bồi thường cây trồng: 509.000 đồng.

- Thuởng di dời: 48.000.000 đồng.

- Kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường (3,5%): 28.994.170 đồng.

(Đính kèm bảng tổng hợp)

Phương án dự kiến nêu trên sử dụng vào mục đích lấy ý kiến về phương án bồi thường, hỗ trợ của các hộ dân và niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, không có giá trị bồi thường cho các hộ dân; Sau khi thông qua Hội đồng Bồi thường phường Long Thành thống nhất và UBND phường Long Thành phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, Trung tâm Phát triển Quỹ đất Thành phố Đồng Nai chi nhánh Long Thành sẽ thông báo chi trả tiền cho các hộ theo quy định.

Trên đây là phương án dự kiến về bồi thường, hỗ trợ thuộc dự án Nâng cấp, mở rộng đường Khai thác đá 3, tại Phường Long Thành (đợt 2).

BẢNG TỔNG HỢP DANH SÁCH VÊ BÔI THƯỜNG, HỒ TRỢ
Thuộc dự án Nâng cấp, mở rộng đường Khai thác đá 3, phường Long Thành, Thành Phố Đồng Nai (đợt 2)

STT	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Diện tích đất bồi thường (m²)					Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về cây trồng kiến trúc	Giá trị bồi thường, các chính sách hỗ trợ	Thường đi đời	Tổng cộng giá trị bồi thường, hỗ trợ
			Tổng	Phi nông nghiệp		Nông nghiệp						
				Tổng	Đất ở	Tổng	Đất trồng cây lâu năm	Đất trồng lúa				
1	Phạm Thị Phương Vân	Khu phố Long An, phường Long Thành, TP. Đồng Nai	177.1		177.1		177.1	179,756,500			12,000,000	191,756,500
2	Trần Đào Anh Thư (TSTD thửa 302, tờ 246)	khu phố Long An, phường Long Thành, TP. Đồng Nai							11,600,304			11,600,304
3	Phạm Văn Tuyên (TSTD Phạm Thị Phương Vân tờ 246 (34); thửa 253)	Khu phố Long An, phường Long Thành, thành phố Đồng Nai							36,066,581			36,066,581
4	Nguyễn Công Khanh (TSTD Phạm Thị Phương Vân tờ 246 (34); thửa 177)	Khu phố Long An, phường Long Thành, thành phố Đồng Nai							30,177,632	369,000		30,546,632
5	Nguyễn Thị Trần	Khu phố Long An, phường Long Thành, thành phố Đồng Nai	2.6		2.6	2.6		2,639,000			2,000,000	4,639,000
6	Vô Thanh Nhân	Khu phố Cầu Xéo, phường Long Thành, thành phố Đồng Nai	11.1		11.1	11.1		11,266,500	4,278,750		2,000,000	17,545,250
7	Nguyễn Thị Thu Thủy	Khu phố Phước Lai, phường Nhơn Trạch, thành phố Đồng Nai	22.2		22.2	22.2		22,533,000			4,000,000	26,533,000
8	Nguyễn Thị Hoàng Anh; Nguyễn Anh Tuấn; Lại Thị Ngân; Phan Cảnh Tuấn	Khu phố Hiệp Phước, phường Nhơn Trạch, thành phố Đồng Nai	1.1		1.1	1.1		1,116,500			2,000,000	3,116,500
9	Vô Xuân Trường	Khu phố Long An, phường Long Thành, thành phố Đồng Nai	9.2		9.2	9.2		9,338,000			2,000,000	11,338,000
10	Lê Tuấn Anh	58 E An Dương Vương, phường 10, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh	22.7		22.7	22.7		23,040,500			4,000,000	27,040,500
11	Hoàng Duy Hiếu - Vũ Thị Minh Trang	A2-3.08, số 2 Tôn Đức Thắng, phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh	11.9		11.9	11.9		12,078,500			2,000,000	14,078,500
12	Vũ Phong Hải (vắng chủ)	Tổ 1, KP Thiên Bình, Phường Tam Phước, TP. Đồng Nai	9.2		9.2	9.2		9,338,000				9,338,000
13	Phạm Thị Kim Loan (vắng chủ)	Tổ 3A, P. Sơn Trà, TP. Đà Nẵng	28.9		28.9	28.9		29,333,500				29,333,500

STT	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Diện tích đất bồi thường (m ²)						Chưa sử dụng	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về nhà, vật kiến trúc	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về cây trồng	Giá trị về các chính sách hỗ trợ	Thường di dời	Tổng cộng giá trị bồi thường, hỗ trợ
			Tổng	Phi nông nghiệp		Nông nghiệp		Chưa sử dụng							
				Tổng	Đất ở	Tổng	Đất trồng cây lâu năm								
14	Thái Thị Hiệp, Lê Thị Mông Thi, Lê Li Ó Sa, Thái Thị Mỹ Duyên, Lê Thị Mông Truyền, Lê Công Vinh, Lê Ca Ron, Nguyễn Thị Thuận, Lê Trung An, Trần Thị A, Thái Văn Thuận, Lê Thanh Truyền, Bùi Thị Nguyễn Nga, Mạc Văn Toàn (ĐSID)	Khu phố Long An, phường Long Thành	0,6			0,6	0,6		609.000					2.000.000	2.609.000
15	Đặng Đình Nhân (Vàng chiu)	94, Tõ 7 Hưu Nghi, Khu phố 3, Phường Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	0,5			0,5	0,5		507.500						507.500
16	Đặng Thị Thom (Vàng chiu)	Ấp Phú Thắng, xã Phú Trung, Thành phố Đồng Nai	19,2			19,2	19,2		19.488.000						19.488.000
17	Nguyễn Bà Trong (vàng chiu)	P 305-B8A, Thị trấn Kim Liên, Phường Kim Liên, quận Đống Đa thành phố Hà Nội	8,6			8,6	8,6		8.729.000						8.729.000
18	Nguyễn Hữu (chiên-chiu) Nguyễn Thị Bình (vàng chiu)	Khu phố Phước Hưng, Phường Phú Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh	6			6	6		6.090.000						6.090.000
19	Nguyễn Tuấn Anh - Nguyễn Nhật Hoàng Huy (vàng chiu)	87 Trần Quang Khai, P. Tân Định, Q1, TP. Hồ Chí Minh	12,4			12,4	12,4		12.586.000						12.586.000
20	Nguyễn Khắc Phong (vàng chiu)	50 Đường Hai Bà Trưng, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	53,3			53,3	53,3		54.099.500						54.099.500
21	Quách Kim Thy (vàng chiu)	132 Lê Hồng Phong, phường Chợ Quán, Thành phố Hồ Chí Minh	0,3			0,3	0,3		304.500						304.500
22	Huỳnh Tân Hưng	xã An Phước, Thành phố Đồng Nai	2,9			2,9	2,9		2.943.500					2.000.000	4.943.500
23	Bùi Minh Hưng (vàng chiu)	số 69 lô 26D, Lê Hồng Phong, phường Đồng Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng	8,2			8,2	8,2		8.323.000						8.323.000
24	Lê Thị Mông Truyền, từ 246, thửa 131 (TS xây dựng trên đất công)	phường Long Thành								54.953.676					54.953.676
25	Chưa xác định chủ sử dụng, từ 255, thửa 72	phường Long Thành	5,4			5,4	5,4		5.481.000						5.481.000
26	Chưa xác định chủ sử dụng, từ 255, thửa 78	phường Long Thành	0,6			0,6	0,6		609.000						609.000
27	Chưa xác định chủ sử dụng, từ 246, thửa 131	phường Long Thành	12,3			12,3	12,3		12.484.500						12.484.500

[illegible]

